

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 222/TC-ĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 1980

QUYẾT ĐỊNH

*của Bộ Tài chính số 222/TC-ĐKT ngày 11 tháng 10 năm
ban hành chế độ kế toán tài sản cố định trong các xí nghiệp quốc doanh*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ vào Nghị định số 61-CP ngày 29 tháng 3 năm 1974 và Quyết định số 90-CP ngày 18 tháng 4 năm 1978 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Bộ Tài chính;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo Nghị định số 175 - CP ngày 28 tháng 10 năm 1961;

Căn cứ vào những kinh nghiệm đã đúc kết được trong quá trình chấn chỉnh và cải tiến công tác kế toán tài sản cố định ở các đơn vị xí nghiệp thuộc các ngành kinh tế quốc dân;

Sau khi trao đổi thống nhất với Tổng cục Thống kê và các Bộ, Tổng cục chủ quản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 - Nay ban hành chế độ kế toán tài sản cố định trong các xí nghiệp quốc doanh kèm theo quyết định này, áp dụng cho tất cả các đơn vị xí nghiệp thuộc các ngành sản xuất kinh doanh không phân biệt tính chất và quy mô hoạt động, nhằm bổ sung sửa đổi và hoàn chỉnh một bước thể lệ hiện có để hướng dẫn thực hiện thống nhất chế độ quản lý tài sản cố định của Nhà nước, làm cho số liệu kế toán trở thành cơ sở vững chắc trong các nguồn thông tin về tài sản cố định, nâng cao vai trò kiểm tra kiểm soát bằng đồng tiền quá trình hình thành, sử dụng và đổi mới tài sản cố định.

Điều 2 - Các Bộ, Tổng cục chủ quản hướng dẫn cách thức vận dụng chế độ kế toán này thích hợp với tình hình và đặc điểm của ngành để áp dụng thống nhất cho các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc Bộ, Tổng cục và các đơn vị, xí nghiệp cùng ngành do địa phương quản lý. Giám đốc các xí nghiệp, thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức kinh tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế

độ kế toán này theo sự hướng dẫn của các Bộ, Tổng cục. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng các Bộ, Tổng cục hoặc tự mình kiểm tra việc thực hiện chế độ kế toán này ở các đơn vị, xí nghiệp do địa phương quản lý, cũng như các đơn vị, xí nghiệp khác đóng ở địa phương.

Điều 3 - Quyết định này thi hành từ ngày ký. Những quy định về kế toán tài sản cố định ban hành trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH
(Ban hành theo Quyết định số 222-TC/CĐKT ngày 11 tháng 10 năm 1980
của Bộ Tài chính)

CHƯƠNG I
NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1 - Tài sản cố định là những tư liệu lao động có giá trị đơn vị từ 500 đồng trở lên, thời gian sử dụng trên một năm và những tư liệu lao động đặc biệt, được coi là tài sản cố định theo quy định tại chế độ khấu hao tài sản cố định hiện hành (Quyết định số 215-TC/CĐTC ngày 2 tháng 10 năm 1980). Những tư liệu lao động thiếu một trong những điều kiện nói trên được coi là công cụ lao động thuộc tài sản lưu động.

Điều 2 - Tài sản cố định của xí nghiệp được phân loại thống nhất theo cách phân loại hiện hành trong nền kinh tế quốc dân, gồm có:

1. Nhà cửa,
2. Vật kiến trúc,
3. Máy móc thiết bị động lực,
4. Máy móc thiết bị công tác,
5. Thiết bị truyền dẫn,
6. Công cụ,
7. Dụng cụ làm việc, đo lường, thí nghiệm,
8. Thiết bị và phương tiện vận tải,
9. Dụng cụ quản lý,

10. Súc vật làm việc và súc vật sinh sản.

11. Cây lâu năm,

12. Tài sản cố định khác (bao gồm các chi phí đầu tư được coi là tài sản cố định).

Ngoài cách phân loại trên, trong sổ sách kế toán, tài sản cố định của xí nghiệp còn được phân loại theo các cách phân loại khác quy định trong chế độ báo cáo kế toán - thống kê hiện hành của Nhà nước (như phân loại theo công dụng, phân loại theo nguồn vốn...).

Điều 3 - Kế toán tài sản cố định có nhiệm vụ:

- Ghi chép, phản ánh, tổng hợp đầy đủ, đúng sự thật, kịp thời số lượng, giá trị số hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng của tài sản cố định trong toàn xí nghiệp và ở từng đơn vị sử dụng tài sản cố định;

- Ghi chép, phản ánh tình hình sử dụng từng đối tượng tài sản cố định, từng loại tài sản cố định và toàn bộ tài sản cố định ở từng đơn vị sử dụng và trong toàn xí nghiệp; tính toán xác định hiệu quả sử dụng tài sản cố định;

- Tính trích và hạch toán chính xác số khấu hao tài sản cố định vào giá thành sản phẩm hoặc chi phí lưu thông, tính và hạch toán kịp thời giá trị hao mòn tài sản cố định. Giám sát việc trích nộp khấu hao cơ bản cho Nhà nước, cho cấp trên và hoàn trả vốn vay Ngân hàng theo chế độ Nhà nước quy định;

- Hạch toán đúng đắn các chi phí về sửa chữa tài sản cố định, tính toán kịp thời giá thành các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, giám sát việc sử dụng đúng mục đích quỹ khấu hao sửa chữa lớn, việc chấp hành các định mức và dự toán chi phí sửa chữa lớn;

- Hạch toán kịp thời kết quả về thanh lý tài sản cố định và xác định đúng đắn những thiệt hại hoặc lợi ích do tài sản cố định phải thanh lý trước hoặc sau thời hạn sử dụng quy định;

- Lập báo cáo kế toán về tài sản cố định, phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản, sử dụng tài sản cố định; đề xuất các biện pháp nhằm không ngừng tăng cường việc giữ gìn, bảo dưỡng đổi mới và nâng cao công suất sử dụng tài sản cố định.

Điều 4 - Tài sản cố định được phản ánh trên sổ sách và báo cáo kế toán theo nguyên giá (giá trị ban đầu). Nguyên giá của tài sản cố định là toàn bộ các chi phí liên quan đến việc xây dựng hoặc mua sắm tài sản cố định kể cả các chi phí về vận chuyển, lắp đặt và chi phí kiến thiết cơ

bản khác. Nguyên giá của tài sản cố định trừ đi giá trị hao mòn của chúng gọi là giá trị còn lại của tài sản cố định. Giá trị còn lại của tài sản cố định là vốn cố định hiện có của xí nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định trong từng trường hợp cụ thể được xác định như sau:

- Nguyên giá của tài sản cố định xây dựng, tự chế tạo hoặc mua sắm mới là giá trị được ghi tăng vốn cố định phản ánh trong báo cáo quyết toán công trình hoàn thành đã được duyệt y.
- Nguyên giá của tài sản cố định nhận chuyển giao hoặc mua lại của các xí nghiệp, cơ quan khác là nguyên giá ghi trong biên bản giao nhận tài sản cố định đã được duyệt y, trừ chi phí cũ (nếu có) về vận chuyển, lắp đặt, chạy thử..., cộng chi phí mới (nếu có) về vận chuyển, lắp đặt, chạy thử... trước khi dùng.
- Nguyên giá của tài sản cố định đã được đánh giá lại theo quyết định của Nhà nước là giá mới tính trong điều kiện hiện tại (giá khôi phục) áp dụng cho việc đánh giá lại tài sản cố định.

Điều 5 - Nguyên giá của từng đối tượng tài sản cố định ghi trên sổ sách và báo cáo kế toán không thay đổi trong suốt thời gian tồn tại của tài sản cố định tại xí nghiệp, trừ những trường hợp sau đây:

1. Trang bị, đổi mới bộ phận làm tăng giá trị của tài sản cố định.
2. Tháo bớt một vài bộ phận của tài sản cố định làm giảm giá trị tài sản cố định.
3. Đánh giá lại tài sản cố định theo quyết định của Nhà nước.

Điều 6 - Đối với tài sản cố định cho bên ngoài thuê dài hạn, xí nghiệp cho thuê vẫn ghi nguyên giá của tài sản cố định cho thuê trong bảng tổng kết tài sản của mình, còn xí nghiệp đi thuê phải căn cứ giá trị ghi ở hợp đồng để ghi vào tài khoản ngoài bảng tổng kết tài sản.

Nếu xí nghiệp đi thuê tài sản cố định bỏ vốn xây dựng thêm, trang bị thêm hoặc đổi mới một số bộ phận của tài sản cố định thuê ngoài, theo sự thoả thuận trong hợp đồng giữa đôi bên, thì xí nghiệp đi thuê phải hạch toán công trình xây dựng thêm, trang bị thêm đó vào tài sản cố định của xí nghiệp mình và phải tiến hành trích khấu hao.

Hết hạn hợp đồng, xí nghiệp đi thuê giao trả tài sản cố định bao gồm cả công trình xây dựng thêm hoặc đổi mới cho đơn vị cho thuê. Khi giao nhận đôi bên ghi sổ theo nguyên giá và số khấu hao của phần công trình xây dựng thêm hoặc trang bị thêm đó theo phương pháp kế toán nhượng bán tài sản cố định giữa hai xí nghiệp.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Điều 7 - Kế toán tài sản cố định phải ghi sổ theo từng đối tượng tài sản cố định (gọi là đối tượng ghi tài sản cố định).

Đối tượng ghi tài sản cố định là từng vật kết cấu hoàn chỉnh với tất cả các vật gá lắp và phụ tùng kèm theo, hoặc là những vật thể riêng biệt về mặt kết cấu dùng để thực hiện những chức năng độc lập nhất định, hoặc là từng tổ hợp bao gồm nhiều vật kết cấu hợp thành cùng thực hiện một chức năng nhất định.

Các Bộ, Tổng cục chủ quản căn cứ vào quy định chung trên đây và bản chỉ dẫn (phụ lục số 1), quy định cụ thể đối tượng ghi tài sản cố định cho từng loại tài sản cố định để áp dụng thống nhất cho các xí nghiệp thuộc ngành mình quản lý.

Điều 8 - Mỗi đối tượng ghi tài sản cố định không phân biệt đang sử dụng hay dự trữ đều phải có số hiệu riêng.

Số hiệu tài sản cố định là một tập hợp số bao gồm nhiều chữ số sắp xếp theo một thứ tự nhất định để chỉ loại tài sản cố định, nhóm tài sản cố định và đối tượng tài sản cố định trong nhóm. Số hiệu dành cho mỗi nhóm tài sản cố định phải đủ để ghi những tài sản cố định hiện có và những tài sản cố định sẽ tăng thêm trong những năm tới thuộc nhóm tài sản cố định đó.

Đối với những đối tượng ghi tài sản cố định gồm nhiều bộ phận riêng lẻ hợp thành, thì ngoài số hiệu chung của đối tượng tài sản cố định đó còn có thể đánh thêm số hiệu phụ cho từng bộ phận.

Điều 9 - Số hiệu tài sản cố định do phòng kế toán phối hợp với phòng kỹ thuật cơ điện (hoặc phòng chức năng tương ứng) của xí nghiệp xây dựng và do phòng kế toán quản lý để ghi vào các chứng từ, các sổ kế toán tài sản cố định khi có tăng tài sản cố định và thông báo cho bộ phận sử dụng khác hay viết bằng sơn số hiệu đó vào đối tượng tài sản cố định.

Số hiệu của mỗi đối tượng ghi tài sản cố định không thay đổi trong suốt thời gian tài sản cố định sử dụng hay bảo quản tại xí nghiệp.

Số hiệu của những đối tượng ghi tài sản cố định ghi tài sản cố định đã thanh lý hoặc nhượng bán cho xí nghiệp khác không được dùng lại cho những tài sản cố định mới nhận về.